TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1309/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Quí.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2021 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 312/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 239/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân H, sinh năm 1989; địa chỉ: 92/31 Ấp A, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1985; địa chỉ: 92/31 tổ S, ấp A, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn là bà Lê Thị Xuân H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thành T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 240 ngày 19/11/2008 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bản chính đã mất, chỉ được cấp lại bản sao Trích lục kết hôn số 222/TLKH-BS ngày 02/3/2021. Từ tháng 10/2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T thường không về nhà, không chăm lo cho gia đình, không phụ chăm sóc con. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 11/2014 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nên bà xin được ly hôn với ông T. Vợ chồng bà có 01 con chung là Nguyễn Bích H, sinh ngày 15/11/2009, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Vợ chồng bà không có nợ chung và tài sản chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của

Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Bà H và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp; bà H xin ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, sống ly thân và bỏ mặc nhau từ năm 2014, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ; ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi là không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ; con chung có nguyện vọng sống cùng bà H, đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Nguyễn Thành T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn số 222/TLKH-BS ngày 02/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn:

Bà H trình bày mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T xảy ra trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và bỏ mặc nhau từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, không thể tiếp tục chung sống.

Ông T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản hồi, không cung cấp thông tin, không cung cấp lời khai là thể hiện việc bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, hóa giải

mâu thuẫn, không có giải pháp đoàn tụ gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2022, đại diện Ban nhân dân ấp A, xã X, huyện Hóc Môn xác định địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng do bà H, ông T không trình báo, con chung Nguyễn Bích H, sinh năm 2009, sinh sống cùng gia đình tại địa chỉ 92/31 tổ S, ấp A, xã X, huyện Hóc Môn nhưng không rõ về việc nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được động viên đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm lo cho con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà H cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

Như vậy, do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, sống ly thân bỏ mặc nhau từ năm 2014 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Lời khai của bà H kèm bản sao Giấy khai sinh số 532, quyển số 02/2009 ngày 24/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã X, xác định bà H và ông T có 01 con chung là Nguyễn Bích H, sinh ngày 15/11/2009. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với lời trình bày bà là người đang trực tiếp nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn được tiếp tục sống với bà H tại bản tự khai ngày 07/01/2022, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, yêu cầu của bà H được chấp nhận. Ghi nhận việc bà H tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Bà H trình bày bà và ông T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà H trình bày bà và ông T không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định:*"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ".* Ông T không phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nên phải tự chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Xuân H:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Xuân H và ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bích H, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2009; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thành T cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Xuân H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Xuân H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0074717 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Lê Thị Xuân H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.